TOÀ ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc

Bản án số: **06**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/02/2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN T PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thị Tám**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lan**
¤ng **Lý A Hợi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Quàng Thị Thu** - Thư ký Tòa án nhân dân T phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB;

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân T phố Điện Biên Phủ, tỉnh ĐB, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **53**/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc: ***"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"***; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **06**/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số **04** ngày 26/01/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Như N -** sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn ĐB 5, xã TA, huyện ĐB, tỉnh ĐB

Nơi công tác: Công ty TNHH thực phẩm OrionVina Việt Nam - *có mặt;*

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T -** sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số nhà 100, tổ dân phố 8, phường NT, T phố ĐBP, tỉnh ĐB - *vắng mặt*;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/12/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như N trình bày:

* *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Như N và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, không bị ép buộc và đăng ký kết hôn vào ngày 7/01/2013 tại UBND phường NT, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB. Hai vợ

chồng về chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian gắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người không hợp tính tình, quan điểm sống bất đồng từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 3/4/2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Vì vậy bà N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

**) Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Như N và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A sinh ngày 9/9/2013. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Bảo An, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

**) Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**) Về Nợ chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Như N và ông Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân T phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn không đến tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là do ông T tự tước bỏ quyền của ông không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Cuéc h«n nh©n gi÷a bµ Nguyễn Thị Như N và ông Nguyễn Văn T ®îc x©y dùng víi nhau trªn c¬ së tù nguyÖn, cã ®¨ng ký kÕt h«n theo ®óng quy ®Þnh cña ph¸p luËt. Vì vậy cuộc hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp, bà N cho rằng cuộc sống chung của ông bà không có tình cảm không có hạnh phúc vì hai vợ chồng chung sống với nhau không hòa hợp quan điểm bất sống đồng. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại bà N và ông T đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa, bà N không còn tình cảm với ông T vì vậy bà N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi thụ lý vụ án ông T không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia các phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện ông T chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của bà N và ông T vẫn

hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho bà Nguyễn Thị Như N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**) Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Như N và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Bảo An sinh ngày 9/9/2013. Bà N có nguyện vọng khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Bảo An, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N.

HĐXX xét về mọi mặt thì bà N có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Bảo An và đảm bảo cuộc sống cho cháu An. Xét thấy việc giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N.

**) Về tài sảnchung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên tại phiên tòa hôm nay HĐXX không đề cập giải quyết

) Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Như N phải chịu **300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Như N** được ly hôn ông **Nguyễn Văn T.**

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo An sinh ngày 9/9/2013 cho bµ Nguyễn Thị Như N trùc tiÕp nu«i dìng, ch¨m sãc, gi¸o dôc và chÊp nhËn sù tù nguyÖn cña bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N.

¤ng T cã quyÒn gÆp gì, th¨m nom ch¨m sãc, gi¸o dôc con chung, kh«ng ai ®îc ng¨n c¶n, c¶n trë. V× lîi Ých cña con, theo yªu cÇu cña mét hoÆc c¶ hai bªn ®¬ng sù, Tßa ¸n cã thÓ quyÕt ®Þnh thay ®æi ngêi trùc tiÕp nu«i con vµ viÖc cÊp dìng nu«i con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Như N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001633 ngày 7/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB; Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5.Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Như N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/02/2018). Ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND T phố ĐBP;
- UBND phường Nam Thanh, TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS T phố ĐBP;
- Toà án tỉnh ĐB;
- Chánh án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám